

Phẩm 3: PHÂN BIỆT THỂ GIỚI
(Gồm 99 Tụng)

1. Địa ngục, bàng sinh, quỉ,
2. Người và trời Lục dục;
3. Hai mươi xứ cõi Dục,
4. Do địa ngục, các châu
5. Trên đây người bảy xứ,
6. Trong đó là cõi Sắc
7. Ba tỉnh lự đều ba.
8. Tỉnh lự thứ tư: tám.
9. Vô sắc không có xứ
10. Do sinh có bốn loài
11. Nướng đồng phần và mạng
12. Khiến tâm... được tương tục.
13. Trong đó có địa ngục...
14. Tên gọi là năm nẻo.
15. Chỉ vô phú vô ký.
16. Hữu tình. Không trung hữu.
17. Thân khác và tướng khác,
18. Thân khác nhưng tướng đồng.
19. Đổi lại thân, tướng một
20. Và dưới Vô sắc ba
21. Nên thức trụ có bảy.
22. Ngoài ra không tổn hoại.
23. Nên biết cùng Hữu đánh
24. Và hữu tình Vô tướng
25. Là chín chỗ chúng sinh.
26. Ngoài ra không thích ở.
27. Nên biết bốn thức trụ:
28. Bốn uẩn thuộc tự địa
29. Chỉ thức là phi trụ
30. Hữu lậu đều có bốn.
31. Trong đó có bốn loài
32. Hữu tình như sinh trứng...
33. Người, bàng sinh: đủ bốn.
34. Địa ngục và chư thiên
35. Trung hữu chỉ hóa sinh.

36. Quĩ: thai, hóa, cả hai.
37. Giữa tử, sinh hai hữu,
38. Năm uẩn là trung hữu.
39. Chưa đến chỗ nên đến
40. Nên trung hữu phi sinh.
41. Như sự sống cây lúa,
42. Liên tục không gián đoạn.
43. Nó vô hình không thật
44. Không thể đem so sánh.
45. Một chỗ không hai vật
46. Chẳng tương tục nhị sinh
47. Kinh nói Kiện-đạt-phước
48. Có năm kinh bảy Kinh.
49. Vì do một nghiệp dẫn
50. Như hình trạng bản hữu.
51. Bản hữu ở trước tử
52. Và sau sát-na sinh
53. Thiên nhãn thấy thanh tịnh.
54. Nghiệp mau lẹ đủ căn
55. Vô đối, không thay đổi
56. Tham hương không trụ lâu,
57. Tâm điên đảo tìm đến
58. Thấp, hóa nhiễm hương xứ.
59. Trời: đầu trên. Ba ngang
60. Địa ngục: đầu xuống dưới.
61. Một nhập có chính tri
62. Hai, ba, gồm trụ xuất,
63. Bốn có tất cả vị,
64. Và noãn không chính tri.
65. Ba loại nhập thai đầu
66. Là Luân vương, hai Phật,
67. Vì nghiệp trí thù thắng.
68. Thứ tự. Bốn: còn lại.
69. Vô ngã, chỉ có uẩn.
70. Nghiệp phiền não tạo nên.
71. Do trung hữu tương tục,
72. Nhập thai như ngọn đèn.
73. Theo dẫn khởi tăng trưởng,

74. Tương tục do hoặc nghiệp.
75. Rồi đi đến các nẻo
76. Luân hồi không điểm đầu.
77. Chuỗi nhân duyên sinh khởi:
78. Mười hai chi ba đoạn
79. Đầu, cuối đều hai chi,
80. Đoạn giữa tám là đủ.
81. Hoặc đời trước: Vô minh.
82. Nghiệp đời trước là Hành
83. Kết sinh uẩn là Thức.
84. Trước sáu xứ: Danh, Sắc.
85. Từ đó sinh Nhân căn ...
86. Ba hợp cùng sáu xứ
87. Khác nhân trong ba thụ
88. Chưa rõ ràng là xúc
89. Trước tâm, ái là Thụ.
90. Tham tâm tức là Ái.
91. Để được các cảnh giới
92. Khấp tìm cầu là Thủ.
93. Hữu chính là tạo tác
94. Đất dẫn quả nghiệp Hữu
95. Vào vị lai là Sinh
96. Cho đến chịu Lão, Tử.
97. Truyền nói theo phần vị
98. Thù thắng được lập tên.
99. Trước, sau, giữa ba đoạn
100. Là để trừ ngu mê.
101. Ba: phiền não. Hai: nghiệp.
102. Bảy: sự, cũng là quả.
103. Lược quả và lược nhân
104. Đoạn giữa so với hai.
105. Từ hoặc sinh hoặc nghiệp.
106. Từ nghiệp sinh ra sự.
107. Từ sự sinh hoặc sự
108. Lý sinh khởi, hiện hữu.
109. Ở đây chính muốn nói
110. Nhân khởi, quả đã sinh.
111. Minh đối trị vô minh

112. Như không thân, không thật.
113. Nói nó tức là kết
114. Không tuệ ác, không kiến
115. Vì cùng Kiến tương ứng
116. Nên nói làm nhiệm tuệ.
117. Danh : bốn uẩn vô sắc
118. Xúc : Sáu. Ba hợp sinh
119. Năm loại thuộc hữu đối
120. Thứ sáu là tăng ngữ.
121. Minh, vô minh : Không hai
122. Thuộc vô lậu, nhiễm ô...
123. Tương ứng với ái, nhuế.
124. Thuận với lạc v.v... ba thọ.
125. Từ đây sinh sáu thọ
126. Năm thuộc thân, một : tâm.
127. Đây lại thành mười tám
128. Do ý cận hành khác
129. Dục duyên Dục: mười tám.
130. Sắc: mười hai. trên: ba
131. Hai duyên Dục; Mười hai.
132. Tám: Tự. Hai: Vô sắc.
133. Hai sau duyên Dục: sáu.
134. Bốn: tự. Một: duyên trên.
135. Sơ Vô sắc cận phần.
136. Bốn: duyên Sắc. Một: tự.
137. Bốn: căn bản, ba: biên
138. Chỉ một: duyên tự cảnh
139. Mười tám chỉ hữu lậu
140. Còn đã nói, sẽ nói:
141. Trong đây nói phiền não
142. Như hạt giống, như rồng
143. Như rễ cỏ cành cây
144. Như gạo trong vỏ trấu
145. Nghiệp như gạo còn trấu
146. Như thảo dược như hoa
147. Là quả dị thực, sự
148. Giống như thức ăn uống.
149. Ở trong bốn loại hữu

150. Sinh hữu là nhiễm ô.
151. Do phiền não tự địa
152. Còn ba. Vô sắc: ba.
153. Hữu tình nhờ ăn sống
154. Dục đoạn thực: ba xứ.
155. Sắc xứ thì không thể
156. Vì tự căn giải thoát.
157. Xúc, tư, thức ba thực
158. Hữu lậu thông ba cõi
159. Ý thành và cầu sinh
160. Thực hương, Trung hữu, khởi.
161. Hai trước tăng đời này
162. Sở y và năng y
163. Hai loại sau thứ tự
164. Dẫn khởi đời vị lai.
165. Đoạn và tục thiện căn
166. Lìa nhiễm thoái tử sinh
167. Đều ở tại ý thức.
168. Tử sinh chỉ xả thọ
169. Không định, không vô tướng.
170. Hai vô ký, Niết bàn
171. Chết chậm: chân, rốn, tim.
172. Sau cùng ý thức diệt
173. Dưới, người, trời, bất sinh,
174. Đoạn mặt-na là thủy...
175. Chính tà, bất định tụ,
176. Thánh, chúng sinh, vô gián ...
177. Lập thành khí thế gian
178. Phong luân ở dưới cùng.
179. Lượng ấy rộng vô số
180. Dày mười sáu lạc-xoa.
181. Bên trên là thủy luân,
182. Mười một ức hai vạn
183. Dưới nước tám lạc-xoa
184. Còn lại kết thành kim
185. Thủy luân và Kim luân
186. Rộng mười hai lạc-xoa
187. Ba ngàn bốn trăm rưỡi,

188. Chu vi gấp ba lần.
189. Tô-mê-lô ở giữa
190. Tiếp Du-kiện-đạt-la,
191. Núi Y-sa-đà-la,
192. Núi Kiện-địa-lạc-ca,
193. Tô-đạt-li-xá-na,
194. Ách-thấp-phước-yết-nỗ,
195. Núi Tì-na-đát-ca,
196. Núi Ni-dân-đạt-la.
197. Bên ngoài các đại châu
198. Có núi Thiết luân vi
199. Bảy núi trước : Kim loại.
200. Tô-mê-lô : tứ bảo.
201. Dưới nước đều tám vạn
202. Diệu cao cũng như thế.
203. Tám núi khác thấp dần
204. Cao rộng đều bằng nhau.
205. Trong núi có tám biển
206. Bảy trước gọi là trong
207. Đầu tiên rộng tám vạn
208. Bốn bên đều gấp ba.
209. Còn sáu cứ hẹp dần.
210. Biển thứ tám là ngoài
211. Ba lạc-xoa hai vạn
212. Hai ngàn du-thiện-na.
213. Trong có các đại châu.
214. Nam Thiệm-bộ như xe,
215. Ba mặt rộng hai ngàn,
216. Mặt Nam : ba ngàn rưỡi
217. Đông là Tì-đề-ha,
218. Hình dáng như bán nguyệt
219. Ba mặt như Thiệm-bộ
220. Mặt Đông : ba trăm rưỡi.
221. Tây là Cù-đà-ni
222. Hình dáng tròn vành vạnh.
223. Đường kính hai ngàn rưỡi
224. Chu vi gấp ba lần.
225. Bắc Câu-lô hình vuông

226. Mỗi mặt đều hai ngàn.
227. Giữa lại có tám châu,
228. Mỗi đại châu có hai.
229. Phía Bắc chín Hắc sơn
230. Trong núi Tuyết Hương Túy
231. Có hồ Vô Nhiệt rộng
232. Năm mươi du-thiện-na.
233. Dưới đây quá hai vạn
234. Vô gián rộng bằng sâu
235. Trên bảy nại-lạc-ca.
236. Tám đều thêm mười sáu.
237. Là tro nóng phân bùn
238. Thêm dao nhọn sông sôi
239. Đều ở cả bốn mặt.
240. Còn tám địa ngục lạnh.
241. Nhật nguyệt nửa Mê-lô
242. Năm mươi mốt năm mươi
243. Nửa đêm mặt trời lặn.
244. Mọc thì giống bốn châu.
245. Tháng thứ hai mùa mưa.
246. Đêm thứ chín tăng dần.
247. Lạnh tháng tư cũng vậy.
248. Đêm ngắn đổi lại ngày
249. Ngày đêm một lạ-phước.
250. Khi di chuyển Bắc Nam
251. Gần mặt trời che bóng
252. Thì thấy mặt trăng khuyết.
253. Diệu Cao có bốn tầng
254. Cách nhau mỗi mười ngàn.
255. Nhô ra mười sáu ngàn
256. Hoặc tám, bốn, hai ngàn.
257. Trời Kiến Thủ, Trì Mạn,
258. Hằng Kiều cùng Đại vương...
259. Lần lược ở bốn cấp
260. Và ở bảy núi kia.
261. Ngọn Diệu cao tám vạn
262. Trời ba-mười-ba ở
263. Bốn góc bốn chóp núi

264. Nơi Kim cang thủ ở.
265. Giữa là cung Thiện Kiến
266. Rộng vạn du-thiện-na
267. Cao một nửa Kim thành
268. Đất mềm trang sức đẹp.
269. Giữa có điện thù thắng.
270. Rộng ngàn du-thiện-na
271. Ngoài có bốn khu vườn:
272. Chúng xa, Thô, Tạp, Hỷ
273. Bốn phía có bốn ao
274. Đều cách nhau hai mươi,
275. Đông Bắc; cây Viên sinh
276. Tây-nam: Thiện Pháp Đường
277. Trên có trời Hữu sắc
278. Cung điện ở trên không
279. Ôm nhau thụ dục lạc
280. Nắm tay, cười nhìn dâm.
281. Sơ sinh năm, mười tuổi
282. Đầy đủ cả áo xống.
283. Dục sinh: ba. Người , trời
284. Lạc sinh: ba chín chỗ
285. Xuống cõi dưới bao xa,
286. Lên cõi trên cũng thế.
287. Không thần thông trợ giúp,
288. Có dưới không thấy trên.
289. Nhật nguyệt bốn đại châu,
290. Tô-mê-lô, Dục thiên,
291. Phạm thế đều một ngàn,
292. Làm tiểu thiên thế giới.
293. Một ngàn tiểu thiên này
294. Làm trung thiên thế giới.
295. Ngàn trung thiên: Đại thiên.
296. Thành hoại đều như nhau.
297. Người ở Châu Thiệm-bộ
298. Ba rưỡi bốn khuỷu tay,
299. Người Châu Đông, Tây, Bắc,
300. Cứ dần tăng gấp đôi.
301. Trời cõi Dục thì tăng

302. Phần tư Câu-lô-xá
303. Bốn cõi Sắc đầu tiên
304. Tăng nửa du-thiện-na
305. Sau đó tăng gấp đôi.
306. Trời Vô vân giảm ba.
307. Châu Bắc một ngàn tuổi
308. Tây- Đông- Nam nửa nửa
309. Tuổi thọ không nhất định
310. Cuối mười đầu khó biết
311. Cõi người năm mươi năm,
312. Trời dưới một ngày đêm.
313. Cõi này thọ năm trăm.
314. Năm cõi trên gấp đôi
315. Cõi Sắc không ngày đêm.
316. Kiếp số bằng thân lượng.
317. Vô sắc đầu hai vạn,
318. Sau tăng hai, tăng hai.
319. Trên, dưới trời Thiểu Quang
320. Một kiếp: nửa đại kiếp
321. Sáu Đẳng Hoạt ở trên
322. Lấy tuổi thọ Dục thiên
323. Làm một ngày một đêm
324. Thọ lượng cũng như vậy
325. Cực Nhiệt nửa trung kiếp
326. Vô gián một trung kiếp
327. Bàn sinh một trung kiếp
328. Quý ngày tháng năm trăm.
329. Thọ lượng Ách-bộ-đà
330. Bằng một bà-ha-ma.
331. Cứ trăm năm đến hết.
332. Sau gấp hai mươi lần.
333. Các xứ có trung yếu
334. Trừ Châu Bắc Câu-lô.
335. Cực vi, chữ, Sát-na
336. Sắc, danh, thời cực tiểu
337. Cực vi như Kim, thủy
338. Thổ, dương, ngư, Khích trần
339. Rận, cháy, lúa, đốt tay

340. Dần dần tăng gấp bảy
341. Hai mươi bốn : Một khuỷu.
342. Bốn khuỷu là một cung
343. Năm trăm Câu-lô-xá
344. Tám : Một du-thiện-na.
345. Trăm hai mươi sát-na
346. Là một đất-sát-na
347. Sáu mươi bằng lạp-phước
348. Ba mươi bằng tu du
349. Ba mươi bằng ngày đêm
350. Ba mươi bằng một tháng
351. Mười hai tháng : một năm
352. Trong năm giảm một nửa.
353. Nên biết có bốn kiếp
354. Là hoại, thành, trung, đại
355. Hoại từ địa ngục dứt
356. Đến khi thế gian hết
357. Kiếp thành khi gió khởi
358. Đến khi địa ngục sinh
359. Trung kiếp từ vô lượng
360. Sau giảm còn mười năm
361. Mười tám lần tăng giảm
362. Rồi tăng đến tám vạn
363. Sự thành trụ như vậy
364. Là hai mươi trung kiếp
365. Thành, hoại, hoại rồi không
366. Thời gian bằng trụ kiếp
367. Tám mươi trung : đại kiếp
368. Đại kiếp ba vô số.
369. Giảm tám vạn đến trăm
370. Chư Phật hiện thế gian
371. Độc giác lúc tăng giảm
372. Luân giác dụ trăm kiếp
373. Luân vương trên tám vạn
374. Kim ngân, đồng, thiết luân
375. Một, hai, ba, bốn châu
376. Nghịch thứ riêng như Phật.
377. Qua lại nghênh đón nhau

378. Tranh trận thắng không bại
 379. Tướng mạo không đầy đủ
 380. Cho nên không bằng Phật.
 381. Ban đầu như côi Sắc
 382. Sau dần tham mùi vị
 383. Tích trữ giặc cướp sinh
 384. Nên sắm người giữ mạng
 385. Nghiệp tăng thì thọ giảm
 386. Binh đao, bệnh tật, đói
 388. Bảy ngày, tháng, năm dứt
 389. Tam tai: Lửa, nước, gió
 390. Trên ba thiên là tốt
 391. Tai họa theo thứ tự
 392. Bốn thiên bất động: Không
 393. Nhưng không phải thường hằng
 394. Với chúng sinh cùng diệt
 395. Sau bảy hỏa, thủy tai
 396. Bảy thủy hỏa: phong tai.
-